

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 169

TỨ NIỆM XỨ

SỐ 1918
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1918

TỨ NIỆM XỨ

*Đại sư Trí Giả ở chùa Tu Thiên Núi Thiên Thai
đời Tùy thuyết giảng.
Đệ tử là Chương An Quán Đánh ghi*

QUYỂN 1

Tất cả các pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn, đo lường, chẳng thể nói năng thương lượng. Vì sao? Vì đường ngôn ngữ dứt nên không thể nghĩ, chỗ tâm hành diệt nên không thể suy.

Đại kinh chép: “Sinh sinh chẳng thể nói, sinh bất sinh chẳng thể nói, bất sinh bất sinh chẳng thể nói, đã chẳng thể nói cũng chẳng thể bàn”. Kinh Đại phẩm chép: “Sắc chẳng thể nói, cho đến thức chẳng thể nói. Mắt chẳng thể nói, cho đến ý chẳng thể nói. Sắc chẳng thể nói, cho đến pháp chẳng thể nói. Nên biết năm Ấm, mười hai nhập, mười tám giới đều chẳng thể nói”. Đây là chỉ cho Tục đế chẳng thể nói.

“Bốn niệm xứ chẳng thể nói, cho đến căn, lực, giác, đạo đều chẳng thể nói. Tu-đà-hoàn chẳng thể nói, cho đến A-la-hán cũng chẳng thể nói”. Đây là chỉ cho chân đế chẳng thể nói, cho đến A-la-hán cũng chẳng thể nói”. Đây là chỉ cho chân đế chẳng thể nói.

Mười lực của Phật chẳng thể nói, bốn vô úy, mười tám bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp v.v... đều chẳng thể nói”. Đây là chỉ cho Trung đạo nghĩa đế bậc nhất chẳng thể nói.

Đại luận chép: “Thật pháp chẳng điên đảo, niệm tưởng quán đã trừ, pháp ngôn ngữ đều dứt, vô lượng tội trừ, tâm thanh tịnh thường nhất. Bậc tôn quý diệu mầu như thế thì có thể thấy Bát-nhã.” Đây là chỉ chung cả ba đế chẳng thể nghĩ bàn.

Pháp Hoa chép: “Tướng vắng lặng của các pháp chẳng thể dùng lời bày tỏ.” Lại nói: “Pháp này chẳng thể nghĩ lường phân biệt mà hiểu được.” Nên biết chẳng thể dùng tâm nghĩ, miệng bàn. Cũng chẳng thể dùng không tâm và miệng để nghĩ bàn. Chẳng thể dùng có không, chẳng thể dùng chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải phương, chẳng phải số, chẳng phải pháp, chẳng phải dụ, lặng lẽ vô vi, là thuyết cùng tốt của các kinh, là lời chân thành của các bậc Thánh. Sâu xa như đây, rõ ràng như kia. Cảnh trí đều ẩn, năng sở đều lặng. Các Bồ-tát trong kinh Tịnh Danh dùng lời để nói chỗ không lời, Văn-thù dùng không lời để nói chỗ không lời, Tịnh Danh không dùng lời, không dùng không lời, lặng thinh chẳng nói. Văn-thù khen rằng: Chân thật nhập vào pháp môn không hai. Nên biết rất mâu nhiệm, mâu nhiệm không thể nghĩ bàn. Lại chẳng thể nghĩ bàn chỉ có thể thâm ngộ, chẳng thể đem phân biệt sáng tỏ.

Hỏi: Nếu chẳng thể nói, chẳng thể nói, vì sao lời đầy ấp cung rỗng? Nếu chẳng thể nghĩ, chẳng thể nghĩ, vì sao ở núi Tuyết nghĩ sâu nghĩa này?

Đáp: Phật thường ưa lặng lẽ mà thương xót người ngu muội. Muốn chậm lụt ở lời nói mà bén nhạy ở hạnh. Từ bi quyền xảo chỉ vẽ hư không. Dùng cách chỉ bày mặt trăng mà tạo ra mọi thứ thuyết. Hoặc nói sinh sinh, hoặc nói bất sinh sinh. Như lúc nói sinh sinh thì chẳng phải một loại, hoặc nói có, hoặc nói không, hoặc nói vừa có vừa không, hoặc nói chẳng phải có chẳng phải không, dẫn các căn tánh theo cửa bốn phương mà vào ao mát mẻ. Nghe vui thích thì thiện sinh, ác mất, lý hiển, được bốn lợi ích. Ba câu còn lại cũng như thế. Pháp môn rất nhiều, nói rộng thì khiến trí lui sụt, nói lược thì nghĩa chẳng tròn, nay tôi nói vừa chừng, rộng thì bốn câu, lược thì nhân quả. Nghe mà tu hành gọi là nhân, tương ứng với pháp gọi là quả. Theo quả tu nữa gọi là nhân nhân. Từ nhân lại được quả nên gọi là quả quả. Hoặc đầu hoặc cuối, rốt ráo vắng lặng nên nói là không phải nhân, không phải quả. Bốn môn sinh sinh đầu tiên cũng tạo bốn thuyết nhân quả. Trong mỗi thuyết làm vui lòng một loại chúng sinh, lập các thứ thiện căn, trị mọi loại tội cấu. Từ mọi loại nhập vào nghĩa bậc nhất, nên đầu, giữa và cuối lập lại không có lỗi. Thuyết tức là giáo, vâng theo giáo mà tu quán. Vì tu quán nên gọi là tu bốn niệm xứ. Nghĩa này rộng hãy suy nghĩ về nó.

Đức Phật ra đời vì một việc nhân duyên lớn, là khai phát các kho báu giác ngộ cho chúng sinh. Ví như mặt trời mọc, trước hết chiếu trên đỉnh núi cao, vui trước, lợi trước, trị trước, ích trước. Đại kinh chép: “Nếu

muốn chứa đầy, trước phải dùng vật sạch sẽ hoàn toàn. Nếu muốn cà bừa khai khẩn, thì trước phải trồng ruộng đất phì nhiêu tươi tốt. Nếu muốn cỡi xe, thì trước phải chọn ngựa mập mạnh, thuần thực. Nếu muốn dạy dỗ, thì trước dạy hiếu minh. Đây đều là do chứa nhóm sâu dày, chướng phiền não mỏng nhẹ. Nghe sấm rền trước, tắm mưa ngọt trước, ra khỏi lồng bẫy trước, được chánh quán trước, đều do thuở trước thường siêng năng tu tập. Đời này đạo được thành bốn lợi ích đầu tiên. Người chưa độ, lại bày phương tiện mà tô bồi cho. Ẩn thần đức vô lượng của mình, dùng pháp người nghèo ưa thích mà đến Ba-la-nại, liền có âm thanh Niết-bàn, tên Pháp, Tăng khác nhau, ắt là Đốn, kế đó là Tiệm mà làm thuần thực cho. Nay theo nghĩa này tạm chia bốn thuyết để nói, tức là dạy nương giáo tu quán, tức là bốn loại bốn niệm xứ. Nghĩa là: Sinh sinh bốn niệm xứ cho đến Bất sinh bất sinh bốn niệm xứ, cũng gọi là Tam Tạng, Thông, Biệt, Viên Bốn niệm xứ.

Như Tam Tạng Bốn Niệm Xứ lại có ba: Đại ý, năm đình, bốn niệm.

I. ĐẠI Ý

Chữ nói Tam (ba), có tám nghĩa: Lý, giáo, trí, đoạn, hạnh, vị, nhân, quả.

1. Lý. Có ba: Thanh Văn là lý ở ngoài chánh sử, Duyên giác là lý ở ngoài tập khí, Bồ-tát là lý ở ngoài chánh tập. Ba bậc này ra ngoài ba loại mới thấy lý, nên nói lý có ba.

2. Giáo. Có ba: Thanh Văn nương theo lý Tứ đế, Duyên Giác nương theo mười hai nhân duyên, Bồ-tát nương theo sáu độ.

3. Trí. Có ba: Thanh Văn tu trí tướng chung, Duyên Giác tu trí tướng riêng, Bồ-tát tu biệt trí tướng chung riêng.

4. Dứt. Có ba: Thanh Văn dứt chánh, Duyên Giác dứt tập, Bồ-tát dứt Chánh - Tập.

5. Hạnh. Có ba: Thanh Văn là tự tu giới định tuệ, Duyên Giác là tự tu độ thiện tịch, Bồ-tát vì chúng sinh tu sáu độ năm thông.

6. Vị. Có ba: Thanh Văn trụ Học, Vô học, Duyên Giác trụ Vô học, Bồ-tát ba tăng-kỳ lên đạo tràng.

7. Nhân. Có ba: Thanh Văn mang quả hành nhân, Duyên Giác vọng về quả mà hành nhân, Bồ-tát hàng phục hoặc để hành nhân.

8. Quả. Có ba: Thanh Văn dứt chánh như đốt củi thành tro, Bồ-tát chánh tập dứt sạch như đốt cây không còn tro than.

Đủ tám thứ ba này nên nói là ba.

Tạng: Là tạng Tu-đa-la, tạng Tỳ-ni, tạng A-tỳ-đàm.

1- Tạng Tu-đa-la là bốn A-hàm:

Tăng nhất A-hàm nói về nhân quả trời người.

Trường A-hàm phá tà kiến.

Tạp A-hàm nói về các thiên.

Trung A-hàm nói về các nghĩa sâu xa.

Đây đủ như trong đó.

2- Tạng Tỳ-ni nói về trì phạm, nặng nhẹ, như trong luật tạng nói.

3- Tạng A-tỳ-đàm gọi là vô tử phân biệt vô tử phân biệt, v.v...

Đại kinh chép: “Đây là nghĩa rất sâu của khế kinh, đây là nghĩa nặng nhẹ của giới luật. Đây là A-tỳ-đàm phân biệt pháp cú.” Điều là Phật tự giải thích tên của ba tạng. Nay chẳng nói đủ, nhưng khi Phật sắp Niết-bàn, ngài A-nan tâm chìm trong biển buồn phiền, ngài A-nậu-lâu-đa bảo rằng: Ông là người giữ gìn Phật pháp, nên hỏi việc tương lai, tại sao lại khóc lóc. A-nan liền tỉnh ngộ, bèn hỏi bốn việc, Phật đều đáp đủ. Nay đưa ra hai việc: Tỳ-kheo nên nương bốn niệm xứ hành đạo và nương Ba-la-đề-mộc-xoa.

a. Trụ Mộc-xoa có hai: (1)- Cựu. (2)- Khách.

Cựu lại có hai: (a)- Tà. (b)- Chánh. Chánh là mười điều lành. Tà là giống như gà, chó, trâu, ngựa...

b. Định có hai: (1)- Cựu. (2)- Khách.

Cựu lại có hai: (a)- Chánh. (b)- Tà. Chánh là ba trăm bốn mươi hai, tà là tà thiên, quỷ định, v.v...

c. Tuệ có hai: (1)- Cựu. (2)- Khách.

Cựu lại có hai: (a)- Chánh. (b)- Tà. Chánh là biết nhân biết quả. Tà là bác không nhân quả. Ba loại cựu tà đọa vào ba đường ác. Phật bỏ đi không dùng. Ba loại cựu chánh sinh vào ba đường lành. Phật hội lại mà lấy.

Lại nói ba loại pháp khách:

(a). Khách giới: ba quy y năm giới cấm, hai trăm năm mươi giới, v.v...

(b). Khách định: Cửu tưởng, tám bối xả, v.v...

(c). Khách tuệ: Bốn đế trí.

Phật di chúc lấy giới làm thầy, thầy dạy bảy chi, đệ tử vâng làm không cho ô nhiễm, nhân nhượng, trinh tín, hòa nhã, chân chánh. Chăm chăm chú chú, động tĩnh hài hòa, nên nói lấy giới làm thầy.

Nương mộc-xoa mà trụ:

Mộc-xoa gọi là bảo đảm được giải thoát. Nếu người nương mộc-

xoa trụ thì bảo đảm thoát được sự nóng bức thế gian. Chỗ nói ở nhà ép ngạt, có sự nóng bức của lao ngục. Vợ con lười thôi, có nóng bức của cột trời, của cải tài sản có cái nóng bức của cướp bóc, nóng bức về nạn vua ép ngạt, nước, lửa. Nếu nương mộc-xoa thì bảo đảm thoát khỏi sự nóng bức như thế.

Lại nữa, trụ là vị lai trụ chỗ an vui. Nếu người trụ giới, hẳn chịu tiếng ác, chỉ ưa pháp lành, vị lai bảo đảm trụ ở trụ xứ của Bốn vị thiên vương. Nếu người trụ giới hẳn là cúng dường Tam bảo, cúng dường cha mẹ, vị lai bảo đảm trụ cõi trời ba mươi ba. Nếu người trụ giới phát sinh thô trụ, bảo đảm được trụ ở trụ xứ trời Diệm-ma. Nếu người trụ giới mà phát tế trụ, thì bảo đảm trụ ở cõi trời Đâu-suất-đà. Nếu người trì giới sinh định cõi dục, bảo đảm được trụ ở trụ xứ của các vị trời cõi Sắc và Vô sắc, đó gọi là nương Ba-la-đề-mộc-xoa trụ.

Nương niệm xứ hành đạo:

Nếu không có tuệ niệm xứ thì tất cả hành pháp đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải người hành đạo. đều là người cạo đầu suông, như người chần bở. Mặc áo nhuộm suông như cờ đầu cây. Tuy ôm bát cầm gậy mà như người bệnh xin đồ vật. Tuy đọc tụng kinh sách như người mù tụng phú. Tuy lễ bái mà như cối gạo lên xuống. Tuy ngồi thiền mà như cây cối. Tuy là tạo dựng mà mưu khoe khách, trồng cây đối chác bán buôn, đắm chìm sinh tử. kén tầm tự buộc không ngày giải thoát. Bỏ thân mạng tài sản chỉ được danh bố thí, chẳng phải ba-la-mật. Tuy là trì giới mà không khỏi làm gà, chó. Tuy là tinh tấn mà tinh tấn không đẹp đẽ. Tuy ngồi thiền mà như gốc cây. Tuy hiểu biết mà trí tuệ cuồng điên, thường ở bờ này, chẳng đến bờ kia. chẳng hàng phục ái kiến, chẳng phá chấp tướng. chẳng được nhập đạo phẩm. Chẳng phải địa vị hiền Thánh, chẳng thành bốn cây khô, chẳng phải ba-la-mật. Vì sao? Vì không có niệm tuệ. Vì niệm tuệ có thể phá tà hiển chánh. Đại kinh chép: “Thuốc sữa của thầy thuốc cũ thật là độc, như trùng ăn cây tình cờ thành chữ. Trùng này chẳng biết là chữ hay không phải chữ. Lại có thầy thuốc mới từ phương xa đến hiểu tám thứ thuật là bốn khô bốn tươi, dùng bốn loại khô mới để phá sữa cũ.” Pháp Hoa cũng chép: “Lửa lớn từ bốn mặt nổi lên” là dụ cho đây.

Chấp diên đảo lược có ba loại:

1. Nhất thiết trí: Là sáu vị giáo chủ ngoại đạo, sáu đại thần tâu với vua: “Thầy tôi là bậc Nhất thiết trí, nếu vua trông thấy thì tội cấu sẽ tiêu diệt.” Đây là chấp thế tánh. Đại luận chép: “Được tức mạng trí, thấy việc trong tám muôn kiếp, hơn nữa thì dừng, không thể biết được,

chỉ thất thức của thân trung Ấm khi mới thọ thai, mà tự suy nghĩ thức này, chẳng nên không có nhân duyên. Do nhớ tưởng phân biệt nên có tên gọi là Pháp, thế tánh thì năm tình không biết được. Vì rất sâu kín, nên đối với thế tánh minh sơ sinh giác. Giác tức là thức của trung Ấm. Từ giác sinh ngã, từ ngã sinh năm trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Từ thanh trần sinh không đại, từ thanh xúc sinh phong đại, từ sắc xúc sinh hỏa đại, từ sắc-thanh-xúc vị sinh thủy đại, từ sắc-thanh-xúc-vị-hương sinh địa đại. Từ không sinh nhĩ căn, từ phong sinh thân căn, từ hỏa sinh nhãn căn, từ thủy sinh thiệt căn, từ địa sinh tử căn. Như thế dần dần từ tế đến thô, lại từ thô đến tế. Ví như trong cục đất có tánh của bình, bồn v.v..., Bình, bồn v.v... bể ra lại trở thành đất, đều không mất thể tánh, là thường không từ đâu đến. đây là chỗ chấp của ngoại đạo Tăng-khư.

Lại có người chấp hạt bụi, hạt bụi thường không thể phá. Rất nhỏ nhiệm nên đời nhân duyên tội phước. Nhân duyên hòa hợp nên có thân, như trời, người, địa ngục v.v... do cha mẹ, tội phước hết thì tan hoại.

Lại có người chấp tự nhiên là khởi tử của thế giới. Nghèo giàu, sang hèn không phải do hạnh nguyện mà được.

Lại có người nói Thiên chúa là chủ tế thế giới. Đầu tiên tạo ra tốt, xấu, lúc diệt trời lại tái sinh.

Lại có người nói: Đời đời chịu khổ vui, khi hết tự đến bờ mé. Ví như trên núi ném cuộn tơ, tơ hết tự dừng, chịu tội phước mạng trở về chỗ tận diệt. Các tà mạng này đều ở trong thiên định mà thấy biết, không nghe từ người khác, cũng chẳng nghe theo kinh Vệ-đà. Chấp đây là sáng suốt, bèn nhảy nên nói: “Việc này thật, ngoài ra là nói dối.” chính là lý này.

Lại chấp trời Tự Tại, lại chấp cha mẹ v.v..., đều chấp về Nhất thiết trí.

2. Thần thông: Sáu vị giáo chủ ngoại đạo tu được ngũ thông. Ngưng sông tại lỗ tai mười hai năm, biến hóa thành dê ngàn căn tại thân mình, như là thành Tỳ-phú-la biến thành đất mặn...

3. Vệ-đà: Sáu vị hiểu thiên văn địa lý, mười tám kinh lớn, biết lành dữ, v.v... là đây. Tuy biết thế tánh không có thần thông là biết thế tánh thông một ít.

Tiếp theo là biết ba loại đầy đủ, là đại lục sư trong A-tỳ-đàm nói về ba loại niệm xứ là: Tánh, cộng, duyên, đối phá. Ba loại ngoại đạo này, có người giải thích.

- Tánh niệm xứ là quán vô sinh cạn gọi là sinh sâu, quán kỹ vô sinh thấy pháp vi tế đều là khổ để sinh tử, gọi là Tánh niệm xứ. Có

người chuyên dùng tuệ số duyên lý không, vô sinh, phát chân dứt kiết, đắc A-la-hán tuệ giải thoát. Đối phá nhân duyên tà, chấp tánh điên đảo không nhân duyên là loại ngoại đạo nhất thiết trí.

- Cộng niệm xứ là dùng thiền định giúp đạo. Chánh và trợ hợp tu cũng gọi là sự lý cộng quán, phát được vô lậu ba minh, sáu thông, tám giải, thành A-la-hán câu giải thoát, đối phá căn bản ái mạn của ngoại đạo đắc năm thông.

- Duyên niệm xứ, là duyên ba tạng, mười hai bộ kinh của Phật và tất cả danh tự thế gian. Chỗ để duyên rộng rãi không phải như Bích-chi-phật ra đời lúc không có Phật, chẳng vâng theo lời dạy, chỉ hiện thần thông làm vui chúng sinh, chẳng thể nói pháp. Người duyên niệm xứ liễu đạt căn tánh, khéo biết bốn biện tài, đủ sức kiết tập pháp tạng, thành đại La-hán không nghi. Đối phá Vệ-đà thế gian, văn tự thiên văn địa lý nhỏ hẹp. Nên biết tà chánh, chân ngụy giống như vàng so với sắt, đom đóm so với mặt trời, vết chân trâu với biển cả. Nên đại kinh nói: “Trong các tướng, vô thường là hơn hết. Trong việc canh tác, cày cấy vào mùa Thu là hơn hết. Trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn hết. Vô thường ví dụ cho tánh, cày cấy dụ cho thần thông, vết chân dụ cho văn tự. Kinh nói: Các Ưu-bà-tắc khéo hiểu nghĩa các pháp đối trị, đó là thường, vô thường, v.v... Nên biết tâm hạnh ngoài lý thì chưa nhập vào chánh chân. Nghĩa phá tà rất dễ hiểu.

II. NÓI VỀ NĂM PHÁP QUÁN DỪNG TÂM:

Là quán sở tức, bất tịnh, từ tâm, giới phương tiện, nhân duyên.

Đình là dừng trụ. Người tu hành nghe Bốn đế sinh diệt, phát tâm quán khổ để muốn ra khỏi sinh tử, bị gió phiền não làm dao động đèn trí tuệ, chiếu soi cảnh không rõ. Vì trừ chướng này nên tu năm pháp quán dừng tâm. Môn sở tức (đếm hơi thở) có sở, tùy, quán v.v... môn bất tịnh có chín tướng, tám bối v.v... Từ tâm, giới phương tiện, mười hai nhân duyên đều như trong thiền môn có nói rộng, nay không nói luận rõ. Môn năm dừng này lại có năm ý: Đối chuyển bất chuyển, cũng kiêm đối, vừa chuyển vừa bất chuyển.

- Cũng kiêm đối là sở tức đối trị giác quán, bất tịnh đối trị tham dục, phương tiện đối trị ngã, nhân duyên đối trị si. Nếu đối trị thành thì phiền não chẳng khởi, lại phát sinh thiền định. Thiền định giữ cho tâm an ổn ra vào nên nói là năm dừng tâm. Tâm đã điều hòa ổn định thì sẽ tu tập quán. Nếu đối trị chưa có ích, lại phải dùng bốn loại sau để trị.

Hành giả khéo dùng bốn phương tiện khéo léo kèm theo để tu

năm môn đối trị, phiền não không thể ngăn chướng, quán tâm dừng trụ liền nhập địa vị Sơ thiền, đầy đủ như Thiền môn có nói rộng.

Hỏi: Ở đây sao không dùng niệm Phật để dừng tâm?

Đáp: Dùng năm độ môn thì không dùng sáu độ môn. Tức phải dùng nhân duyên để đối trị đẳng phần, niệm Phật để đối trị chướng ép ngặt.

Hỏi: Dừng tâm được trụ gọi là Sơ thiền, nay người tu số tức (đếm hơi thở) hoặc quán được bất tịnh, hoặc quán được hai, ba, bốn, năm có phải là Hiền chăng?

Đáp: Nếu dùng tâm ái kiến tu thiền cho đến cõi Phi tưởng còn không phải Sơ thiền huống chi là đếm hơi thở hay quán bất tịnh, là phát khởi pháp cạn cợt mà gọi là Hiền sao? Kinh nói tu phước đức nhiều gọi là ngu, tu trí tuệ nhiều gọi là cuồng. Há có thể cho cuồng ngu là Hiền hay sao? Người xưa nói: Gần Thánh là Hiền. Lời này quá cao, nay nói khôn khéo ngay thẳng là Hiền. Nên chia làm bốn câu:

1. Tùy ái kiến phá giới loạn tâm, đây không phải ngay thẳng, không phải khéo léo như không mắt, không chân. Chẳng thể xuống ao mát mẻ.

2. Gần giới tu thiền mà sinh tà kiến. Đây là khéo léo mà không ngay thẳng, cũng không gọi là Hiền, như có chân không có mắt cũng không thể xuống được ao mát mẻ.

3. Tín tâm chánh niệm mà phá giới, tâm loạn, ở đây ngay thẳng mà không khéo léo, cũng không phải là Hiền, như có mắt không có chân, không thể xuống ao mát mẻ.

4. Tin hiểu chánh trí, được ý Phật dạy, giữ giới thanh tịnh, tu quán An-ban, bất tịnh v.v... tâm được dừng trụ, gọi là ngay thẳng là khéo léo, có mắt có chân, có thể xuống ao mát mẻ.

Điều thứ bốn này, nghĩa là khéo léo, ngay thẳng được thành.

Hỏi: Vì sao gọi là được ý Phật dạy?

Đáp: Trung Luận chép: Sau khi Phật nhập diệt, người trong thời Tượng pháp, căn tánh càng chậm lụt dần, đắm sâu các pháp, cầu mười hai nhân duyên, năm Ấm, mười hai nhập, mười tám giới, v.v... Tượng quyết định chỉ chấp văn tự. Đây là không biết ý Phật. Ý là sinh sinh chẳng thể nói, vì có nhân duyên nên tạo ra thuyết Sinh sinh, giúp chúng sinh lia sinh tử được Niết-bàn. Nếu chấp văn tự thì nảy sinh hủy báng cạnh tranh, ắt lửa ba cõi bùng lên không được ý Phật, chẳng phải Hiền nhân.

III. GIẢI THÍCH BỐN NIỆM XỨ:

Tứ là số; Niệm là quán tuệ; Xứ là cảnh. Số có chia, có hợp:

- Nếu mê tâm, không mê sắc thì số là năm Ấm.

- Nếu mê sắc, không mê tâm thì số là mười hai nhập.

- Nếu mê cả hai thì số là mười tám giới. Như Tỳ-bà-sa nói, v.v...

- Nay nói Bốn là người đối với năm Ấm khởi bốn điên đảo, đối với sắc phần nhiều khởi điên đảo, cho là thanh tịnh. Đối với thọ phần thường khởi điên đảo cho là vui. Đối với tưởng, hành thường khởi điên đảo cho là có ngã. Đối với tâm phần nhiều khởi điên đảo cho là thường. Nên bốn điên đảo nên nói Bốn, nếu theo thứ lớp sinh ra lẫn nhau, đáng lẽ nói Thức, thọ, tưởng, hành, sắc; nếu theo thứ lớp thô tế, nên nói sắc, hành, tưởng, thọ, thức. Nay theo sự thuận tiện của lời nói nên gọi là thân, thọ, tâm, pháp. Văn theo khởi đảo phần nhiều như trước đã nói.

1. Nhưng ý cốt yếu của Ba tạng chính là nhằm chán sinh tử, ưa thích nhập Niết-bàn. Phải tin hiểu chánh nhân duyên ba đời, hai đời, một đời. Mười hai nhân duyên, chi nhân duyên là Tứ đế: Vô minh, hành, ái, thủ, hữu là Tập đế. Năm quả là Khổ đế. Biết khổ dứt tập là Đạo đế. Không tập - khổ là Diệt đế thức. Vô minh, già chết này phá tà không nhân duyên của ngoại đạo, sinh ra tất cả pháp, mọi thứ điên đảo. Chẳng theo hư tưởng, tà đạo quái dị, tin sâu nhân duyên chân chánh.

2. Chân chánh phát tâm: Cảnh giác lửa vô thường thiêu đốt các thế gian, một lòng cầu thoát ra, trong sát-na cũng không lười nhác. Chẳng nghĩ danh lợi, như nai con trong vòng vây, nhảy càn mong thoát ra, giống như ghé mắt mẹ buồn bã. Than ôi! Tu tập thiền tuệ như cứu lửa cháy đầu, v.v...

3. Khéo tu định tuệ: Hành xuất thế mà ở cõi Dục loạn tâm như đèn trước gió, cho nên nương tĩnh cầu định. Nếu định không tuệ như trong tối không thấy được gì. Khéo tu hai pháp như hai tay lau chùi lẫn nhau, cũng như cỡi ngựa vừa thương, vừa thúc.

Khéo dùng bốn tùy tin pháp, thực hành cả hai, tám câu được chỗ, v.v...

4. Pháp pháp khắp: Quán nhân duyên sinh diệt, phá tất cả các pháp ái kiến hý luận, biết khắp trong mỗi ái kiến có bốn đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật. Dùng thuốc này trị bệnh.

5. Khéo biết thông bát: Biết tất cả pháp ái kiến đều có lý Đạo, Diệt gọi là thông, đều có Khổ - Tập gọi là bát.

6. Khéo tu đạo phẩm: Đối với các kiến động mà tu niệm xứ. Hoặc riêng hoặc chung, cho đến ba môn giải thoát, v.v...

7. Khéo tu trợ đạo: Tức là năm dừng tâm, cộng niệm duyên niệm sáu phen. Thiền quán là tám niệm, chín tưởng, mười tưởng, tám bối xả, tám thắng xứ, mười nhất thiết xứ, v.v...

8. Khéo biết vị thứ: Khéo biết bảy địa vị thiền, chẳng xen lẫn, tăng thượng mạn thành hổ thẹn, tăng có hổ thẹn. Trong ngoài soi rõ, khéo biết tà chánh, Phật pháp hay chẳng phải Phật pháp. là phá các tà ma ngoại đạo.

9. An Nhẫn: Hai giặc mạnh mẽ và nhu nhuuyến. Ngoài thì quyền thuộc tên gọi xấu ác. Nếu người không nhẫn sẽ bị hoại. Trong nhẫn mọi thứ chứng đắc các thiền, chấp thì sinh ái, bị cảnh giới giặc nhu nhuuyến hại, ép ngặt là giặc mạnh.

10. Thuận đạo pháp: Ái chẳng phát sinh. Ngoại phạm, nội phạm mọi thứ thuận đạo, phát thiện tâm không đắm mến cũng là ý quan trọng.

Đời mạt pháp, người cầu Thanh Văn biết mười pháp này rõ ràng, không mắc vào văn tự nói suông. Trong có trí tánh cầu Thánh đạo. Chán khổ ba cõi, tu năng dừng tâm, nhập địa vị sơ thiền, tức là khéo biết lời Phật dạy, phát sinh các cảnh giới thiền. Hoặc có xúc tăng ích, hoặc có xúc tăng bệnh, hoặc có mười hai loại xúc hoại thiền, hoặc có mười loại giác hành thiền. Hành giả nhờ năm dừng tâm nên được định cõi Dục, hoặc được đối trị tâm ở trong tĩnh, công đức pháp môn khởi liền quán sát. Quán sơ lược là mười một cảnh Ám, giới, nhập cho đến mười cảnh của Bồ-tát. Tự có hành giả hoặc thứ lớp, hoặc chẳng thứ lớp, hoặc thiện hoặc tà. Nay làm mười cặp phân biệt: Một là thứ lớp, không thứ lớp cho đến thứ mười là ba chương bốn ma.

Thứ lớp là như trên.

Chẳng thứ lớp là không như trên, có chỗ xuất xứ riêng, v.v...

Hỏi: Theo Đại thừa, sinh tử tức Niết-bàn có được nghĩa lý tức cho đến sáu Tức. Ba tạng cũng có được sáu Tức chăng?

Đáp: Muốn làm thì cũng được. Ba thừa đồng ý có lý thiên chân, là lý tức. Trong Ba tạng, học tập danh tướng, ngôn ngữ là Danh tự tức. Năm dừng tâm, tướng chung, tướng riêng niệm xứ là Quán hành tức. Bốn thiện căn là Tương tự tức. Khổ - nhẫn - chân minh đến vô ngại đạo thứ chín là Phần chân tức. Đến ba mươi bốn tâm dứt phiền não và tập khí của Phật là Cứu cánh tức v.v... Đã biết ý quan trọng của Ba tạng phải biết niệm xứ của ba bậc khác nhau.

Trước hết nói về Bốn niệm xứ riêng của Thanh Văn, sau nói về bốn niệm xứ chung.

A. NÓI VỀ BỐN NIỆM XỨ RIÊNG: Riêng là thân, thọ, tâm pháp

1- Quán thân thế nào?

Tất cả sắc gọi là thân, nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân. Mình gọi là quyến thuộc nội thân, người gọi là ngoại thân, vừa mình vừa người gọi là nội ngoại thân. Ba loại sắc này, đều từ đời trước tạo nghiệp bất thiện mà sinh. Đời trước không sợ sinh tử, không nhằm chán buộc ràng, trồng nghiệp điên đảo. Nghiệp trói buộc thức, sắp vào thai mẹ, thì có năm loại bất tịnh, là chỗ sinh, hạt giống, tướng, tánh, và rớt ráo.

a. Chỗ sinh: Thân người nữ là một khối bất tịnh, trùng, mủ dơ bẩn nhóm lại mà thành lập, gân cột, máu tô, da bao phía ngoài, như vách đất kia mượn bùn tô trét luống dối. Trải qua mười tháng ở giữa hai tạng nhỏ hẹp như ngục tù. Thích luận chép: Thân này chẳng phải hoa sen, cũng chẳng do chiêm đàn, được nuôi lớn bằng phần uế, chỉ theo đường tiểu mà ra, v.v...

b. Hạt giống bất tịnh: Tóm hai giọt trắng đỏ của di thể mà trụ trong đó. Thức nảy theo hơi thở của mẹ. Đó là hạt giống đầu tiên thọ thân bất tịnh.

c. Tướng bất tịnh: Sáu phần đầu v.v... Từ đầu đến chân toàn là vật dơ bẩn, như con chó chết, dùng hết nước biển để rửa, rửa thấy chết sạch hết, chỉ còn một hạt bụi, hạt bụi cũng hôi thúi giống như phần uế. Nhiều ít đều hôi thúi từ đầu tới chân. Đều là tướng bất tịnh.

d. Tánh bất tịnh: Căn bản từ nghiệp cấu uế sinh, nương vật cấu uế mà nuôi lớn tánh này. Tự như thế chẳng thể sửa đổi. Trong thân có ba mươi sáu vật, trong có mười hai món gọi là tánh bất tịnh. Ngoài có mười hai món gọi là tướng bất tịnh. Giữa có mười hai món chung cả tánh tướng.

e. Rớt ráo bất tịnh: Nghiệp hết, báo tận bị ném ra gò mả, như khúc cây mục, những chất bất tịnh đại tiện tiểu tiện chảy tràn ra ngoài. Thân sinh trùng rúc rủa cắn ăn, chồn sói quạ, kên kên cắn xé phần ngoài, còn không thể dùng mắt nhìn, tai nghe, hưởng chi dùng mũi ngửi mê đắm. Nên Tỳ-Đàm có bài kệ:

Thân này tướng bất tịnh, Tánh chân thật thường không.

2. Niệm xứ thọ:

Lãnh nạp gọi là Thọ. Có nội thọ, ngoại đạo, nội ngoại thọ. Duyên bên trong gọi là nội thọ, duyên bên ngoài gọi là ngoại thọ, duyên trong ngoài gọi là Nội ngoại thọ. Lại, ý căn thọ gọi là Nội thọ; Năm căn thọ gọi là Ngoại thọ; Sáu căn thọ gọi là Nội ngoại thọ. Mỗi căn có thọ thuận,

thọ nghịch, thọ chẳng nghịch chẳng thuận.

Đối duyên thuận sinh thọ vui. Đối duyên nghịch sinh thọ khổ. Đối duyên chẳng thuận chẳng nghịch sinh thọ chẳng vui chẳng khổ. Ở sáu căn tức có mười tám thọ, căn trần năng và sở hợp thành ba mươi sáu thọ. Theo ba đời có một trăm lẻ tám, các thọ đều khổ. Thọ vui là khổ hoại, khổ thọ là khổ khổ, thọ bất lạc bất khổ là khổ hành, khổ thọ là khổ khổ, thọ bất lạc bất khổ là khổ hành. Các thọ thô hay tế đều là khổ. Như có ăn thì vui, thức ăn không tiêu thì khổ; lạc thọ hoại thì khổ. Như gãi gẻ ban đầu đã ngứa sau khổ. Thọ lạc hoại khổ cũng giống như thế. Hai khổ còn lại có thể biết, v.v...

3. Niệm xứ tâm:

Nếu theo thô tế thì trước phải là niệm xứ pháp, nhưng nay thuận theo lời nói nên nói về niệm xứ tâm.

Tâm là tâm vương, khác với tâm gỗ đá. Theo trên thì có nội tâm, ngoại tâm và nội ngoại tâm. Tâm vương không dừng trụ, thể tánh lưu động. Hoặc thô hoặc tế, hoặc trong hoặc ngoài đều là vô thường, không dời dảo, không thiếu thốn. Hôm nay tuy còn rõ ràng nhưng cũng khó bảo đảm. Một Tỳ-kheo không bảo đảm bảy tháng, cho đến không bảo đảm một ngày, Phật quả đều là biếng nhác. Một Tỳ-kheo nói hơi thở ra không bảo đảm thở vào. Phật nói lành thay! Khoảng sát-na ngắn ngủi vô thường, già chết đến gần là một kỳ hạn vô thường, Phật pháp sắp diệt, là chuyển biến vô thường như nước chảy dốc núi, như đá nháng lửa, nếu không kịp thời sau hối hận vô ích...

4. Niệm xứ pháp:

Pháp là khuôn phép, có pháp lành, pháp ác, pháp vô ký. Người đều theo pháp mà chấp ngã. Ta có thể làm lành, làm ác, làm vô ký. Nếu đối với tâm vương mà chấp ngã thì thuộc về niệm xứ tâm. Nếu đối với tâm sở chấp ngã, từ chín tâm sở, tất cả thiện số, ác số, chung với đại địa số đều thuộc hành Ấm niệm xứ pháp. Trong các pháp này mà cầu ngã nhất định không thể được, lòng rùa sừng thỏ chỉ có tên gọi không thể có thật. Nếu pháp lành là ngã, thì pháp ác lẽ ra vô ngã. Lại pháp ác là ngã thì sao lại dung cho ác hại mình. Nếu vô ký là ngã thì vô ký không thể khởi nghiệp. Nếu gọi nhân v.v... khởi, nhân vô ký này khởi thiện, hay khởi ác? Nghiệp thiện ác còn chẳng phải ngã nhân, v.v... khởi làm sao là ngã được? Nên biết đều không có ngã, chỉ là hành Ấm. Kinh chép: Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Chỉ là Ấm pháp khởi diệt, không nhân không ngã, chúng sinh, thọ mạng, dù có pháp khởi cũng là điên đảo. Điên đảo tức là thân kiến và biên kiến, gọi là ô uế. Năm Ấm

vô ký cũng là ô uế. Năm Ấm vô ký duyên báo pháp mà khởi nên đều là vô ngã. Tuy tâm vương, tâm sở cùng khởi đồng thời mà dụng có mạnh, yếu. Nếu tâm mạnh thì thuộc niệm xứ tâm. Nếu sở mạnh thì thuộc niệm xứ pháp. Thích Luận chép: Giác quán tuy đồng thời nhưng khi giác thì quán không rõ, khi quán rõ thì giác không sáng. Nên chia ra giác, quán khác nhau. Nay tâm niệm và pháp niệm theo sự mạnh yếu cũng giống như thế. Các pháp thiện ác như vậy tìm ngã không thật có nên gọi là niệm xứ pháp.

Trên đây là nói niệm xứ tướng riêng đã xong.

B. NIỆM XỨ TƯỚNG CHUNG:

Duyên một cảnh chung làm bốn quán. Trong đây phải có bốn câu phân biệt:

- Cảnh, quán đều riêng.
- Cảnh, quán đều chung.
- Cảnh riêng, quán chung.
- Quán riêng, cảnh chung.

Câu một là bốn niệm xứ quán riêng, ba câu sau là bốn niệm xứ quán chung, nói sơ lược như thế.

Tất cả chúng sinh, sinh tử trôi lăn đều do điên đảo. Điên đảo ngang dọc như heo thích phần, thịt béo, trong ăn no, ngoài sơn giáp tổ tiên v.v... thật là mê hoặc! Giống như cá nuốt câu, như thiêu thân đâm đầu vào lửa, lấy khổ để bỏ khổ, thật là mê hoặc! Chớp loè, sóng nắng, bọt nước, đá nháng, cho vô thường là thường, thật là mê hoặc! Lòng rùa, sừng thỏ, con của hoàng môn, gái bất dục, không người bảo là có người, không vật nói là có vật, thật là mê hoặc! Nay dùng trí tuệ niệm xứ để phá. Biết thân, thọ, tâm, pháp là biết khổ; không khởi mê hoặc điên đảo là biết tập; chán khổ dứt tập là Tu đạo; khổ tập vắng lặng là biết diệt. Đại kinh chép: Xưa ta cùng các thầy chẳng thấy bốn chân đế, vì thế trôi lăn mãi trong biển lớn sinh tử. Nếu thấy được Tứ đế, liền dứt được sinh tử. Sinh hữu đã dứt, không bao giờ còn thọ trong thân các cõi. Trung Luận chép: quán thân, phá mười hai thứ thân kiến, đặc Tu-đà-hoàn. Quán thân là biết khổ, thân kiến không khởi là không tập, phá hai mươi loại thân kiến là có đặc đạo, đặc Tu-đà-hoàn là chứng diệt. Kinh luận đều đồng, nên biết trí tuệ của niệm xứ có lợi ích lớn.

Cộng niệm xứ quán: Đại Luận chép: Quán thân là nhân duyên đầu tiên sinh ra đạo, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; niệm xứ thọ-tâm-pháp cũng giống như thế. Đạo từ nhân duyên sinh tức là nghĩa cộng; quán

thân là đầu tiên. Nhân ba lần bốn là mười hai tức là hữu lậu sinh. Cộng tám bối xả, tám thắng, mười nhất thiết xứ tức là cộng vô lậu sinh. Sư Nam Nhạc nói: Chín tướng, tám bối, các thứ đối trị để giúp khai phá ba môn giải thoát nên gọi là niệm xứ cộng.

Kinh nói: Cũng nên niệm pháp không, tu tâm quán bất tịnh, tức là ý này, v.v...

Tỳ-đàm hữu môn quán sinh không gọi là Không pháp. Tu tâm bất tịnh từ bất hoại. Dùng tâm bất tịnh quán nội ngoại sắc gọi là Sơ bối xả. Nếu nội ngoại sắc thêm rộng từ một thôn đến nhiều thôn, một cầm thú đến tất cả chim bay thú chạy đều là bất tịnh, gọi là Đại bất tịnh. Hoặc bên trong không sắc tướng, dùng tâm bất tịnh quán ngoại sắc, nhập vào hai bối xả cho đến tám bối xả, tám thắng, Nhất thiết xứ, chín thứ đệ, Sư tử phẫn tấn, siêu việt cõi Dục. Sơ thiền đều bất tịnh thì phá được điên đảo về Tịnh. Dùng sự trợ đạo nên gọi là niệm xứ Cộng. Lúc phát chân, lý tuệ thành tựu, sự định đầy đủ, ba minh sáu thông đều giải thoát thành La-hán, có thể kiết tập Pháp tạng, phá thần thông của ngoại đạo. Có người truyền bá kinh điển nói: Chẳng phải thiền thì không có trí tuệ. Từ thiền năm dừng sinh ra bốn niệm xứ, là khai phát trí tuệ. Nếu không phải trí tuệ thì chẳng có thiền. Đây là từ bốn niệm xứ sinh ra bốn như ý túc. Riêng bảo thiền và tuệ này cùng tu chứng, cùng tu niệm xứ thì tiện lợi.

Niệm xứ duyên.

Đại Luận chép: Tất cả sắc pháp gọi là Thân. Một nhập và một ít phần của mười nhập. Đã là sắc thì sắc thuộc về Thân. Sáu thọ là thọ sáu thức, là hai Ấm tướng và hành của tâm và pháp vô vi gọi là pháp thông. Tất cả cảnh giới đều gọi là duyên niệm xứ quán. Có người nói: Mười hai nhân duyên cảnh từ, bi đều duyên gọi là Duyên niệm xứ. Sư Nam Nhạc nói: Kinh dạy tất cả nhập, giới, sự lý, danh nghĩa, ngôn ngữ, âm từ, nhân quả, thể dụng quán đạt vô ngại, sinh ra vốn biện tài. Đối với tất cả sắc tâm không chướng ngại, thành tựu quả La-hán giải thoát, không còn nghi ngờ; phá ngoại đạo Vệ-đà.

Trên đây là theo ái sử làm ý quán.

Tiếp theo phá kiến hoặc, nói về ba loại niệm xứ. Đại Luận chép: Người chân không cũng phá tất cả pháp, người tà kiến cũng phá tất cả pháp, vì sao có khác?

Đáp: Tà kiến có ba loại:

- 1- Phá nhân không phá quả.
- 2- Nhân quả đều phá.

3- Phá nhân quả và phá tất cả pháp.

Chỗ giận sinh giận, chỗ yêu sinh yêu, chỗ si sinh si, đó là tà kiến. Người chân chánh không phá các pháp, chỗ giận, yêu, si không sinh, cho nên khác chỗ này, v.v...

Có người phá hai môn có, không nói: Đạo chẳng phải có - không, rốt ráo không thể nói. Nay hỏi “không - có là đoạn thường”, đây là chỗ giận sinh giận, đồng với ngoại đạo kia. “Rốt ráo không thể nói”, đây là chỗ yêu sinh yêu, lỗi đồng với tà kiến, cũng là lối chấp tự nhiên.

Kinh nói: Đối với các kiến chấp chẳng động, mà tu ba mươi bảy phẩm”. Ở đây chia làm bốn câu:

- Động tu.
- Bất động tu.
- Vừa động vừa bất động tu.
- Chẳng phải động, chẳng phải bất động tu.

Bốn câu đối với bốn môn:

- Điều động tu là Chiết pháp đạo phẩm.
- Bốn câu đều bất động tu là Thể pháp đạo phẩm.

Nếu nói về kiến thì bốn câu đều kiến, vì sao bỏ hai?

Đáp: Là đoạn thường lấy một câu nói là thanh tịnh.

Nếu nói về tu đạo phẩm thì bốn câu đều tu được, tại sao nói một câu là tu đạo, hai câu chẳng phải tu đạo?

Nếu biết bốn câu đều là thân-biên, năm Ấm thân-biên. Năm Ấm tức có tập, đã biết khổ tập tức có thể tu đạo phẩm. Nếu không biết bốn câu: thân, biên, giới, thủ, tà, nghi thì không biết khổ tập, tức là ngu si đâu khác Trường Trao.

Đại Phẩm chép: Sắc hoặc thô, hoặc tế, hoặc thường, hoặc vô thường, cho đến phi thường phi vô thường, kiến chấp này đều nương sắc mà khởi lên. Nếu khởi ngã kiến hoặc thọ, hoặc tế, hoặc thường, hoặc vô thường, cho đến phi thường, phi vô thường. Kiến chấp này đều nương sắc mà khởi tức là thân kiến. Thọ, tâm, pháp cũng giống như thế.

Trường kiến có ba giả, một giả có bốn câu, ba giả là mười hai câu, bốn giả thì bốn mươi tám câu. Năng và sở hợp lại có chín mươi sáu câu. Thọ, tâm, pháp mỗi thứ đều có chín mươi sáu câu.

Quán tánh niệm đã vậy, cộng niệm và duyên niệm cũng như thế. Nếu người A-tỳ-đàm khéo biết sáu nhân, bốn duyên trong kiến hữu, nhân duyên không có tánh, vô thường, sinh diệt. Tứ đế có thể đặc đạo, có công năng phá sáu mươi hai kiến. Nếu Luận Thành Thật thì thấy không, khéo biết bốn duyên trong kiến không, ba giả bốn đế có công

năng phá sáu mươi hai kiến. Thấy có, thấy không đều đắc đạo là đây. Đối với các kiến, không động mà tu ba mươi bảy phẩm, thành bốn không niệm xứ. Nếu người không biết thì chỉ là thấy có, thấy không, đều chưa nhập thiền hướng chi là ở Thánh vị, dù tu cùng cực chỉ được trời, người. Nếu lại cho ba đường ác là nhà thì không có phần với Phật pháp. Nên biết bốn niệm xứ quán tà chánh phân môn. Nếu được bốn niệm xứ thì tất cả pháp là chánh, nếu không được thì tất cả pháp là tà. Người tu hành đời nay chẳng biết ý này, đau thương khó tả! Gặp các bậc thầy nghe nhiều kinh luận, người không thể rõ còn chẳng thành bốn không, há được bốn tươi, càng đáng thương hơn...!

Bốn niệm xứ chung:

Có người nói tụng niệm xứ là niệm xứ tướng chung, nay bảo không đúng, nên làm bốn câu phân biệt: Trước đã nói rồi, nay lại trình bày thêm:

- 1- Cảnh riêng quán riêng.
- 2- Cảnh riêng mà quán chung.
- 3- Cảnh chung mà quán riêng.
- 4- Quán chung cảnh cũng chung.

1. Cảnh riêng quán riêng: Chính là niệm riêng tướng tánh.

2,3. Cảnh riêng quán chung và quán riêng cảnh chung: hai loại này là phương tiện của bốn niệm xứ tướng chung.

4. Cảnh quán đều chung là bốn niệm xứ tướng chung.

Nếu quán một niệm xứ thân, hoặc chung hai Ấm cho đến chung năm Ấm, đó là cảnh quán đều chung. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng giống như thế. Tướng chung duyên niệm xứ, niệm xứ tướng chung cũng giống như thế, rất dễ hiểu.

Nếu hiểu phương tiện trước nhập vào niệm xứ tu tướng chung, chánh cần, như ý, căn, lực, giác, đạo đều như trước rất dễ hiểu. Tổng tướng pháp sâu, vi tế là khác. Nếu an ổn thực hành tám chánh đạo, có thể quán Tứ đế sinh noãn pháp. Nên Đại Luận chép: Thực hành tám chánh đạo được năm Ấm thiện hữu lậu, gọi là Noãn pháp. Nên biết người có phương tiện được ba mươi bảy phẩm.

Hỏi: Tám chánh đạo, bảy giác chi là Tu đạo, nay vì sao nói không bốn niệm xứ?

Đáp: Tát-bà-đa nói: Tám chánh ở trước, bảy giác ở sau quyết định là vô lậu. Nếu bảy giác ở trước, tám chánh ở sau thì chung cả hữu lậu và vô lậu. Đây là người thuộc Tam hiền đều gọi là Càn Tuệ địa. Chưa chứng năm Ấm thiện hữu lậu. Ý thì tương tự mà nước định chưa thấm

nhuần gọi là càn, đã có quán hành, hàng phục các kiến chấp gọi là Tuệ, giữ gìn sinh pháp lành gọi là Địa. Nên gọi là Càn tuệ địa, cũng gọi là Ngoại phạm vị.

*** Nói về chi Phật quán:**

Phật là giác. Giác có hai loại: Độc giác và Duyên giác, đều có lớn nhỏ. Nhỏ thì sinh trong loài người. Thời đó không Phật, tự mình có thể đắc Tu-đà-hoàn. Bảy đời đã mãn, không thọ tám đời, tự tánh thành đạo. Người này không gọi là Phật, cũng chẳng phải A-la-hán. Nói về đạo lực thì không bằng Xá-lợi-phất, mà các đại La-hán gọi đây là Tiểu Bích-chi-ca-la. Lớn thì trong hai trăm kiếp thực hành trí tuệ, trí tuệ càng thêm, lại mạnh được ba mươi hai tướng hoặc ba mươi một tướng, hoặc ba mươi tướng, hai mươi chín tướng cho đến một tướng. Hơn cả chín loại La-hán. Ở tướng chung, tướng riêng có thể biết, có thể nhập. Tu tập không đã lâu, thường ưa ở chỗ vắng một mình, đó gọi là Đại Bích-chi-ca-la; đều trải qua ba thứ nhân duyên, mười loại, mười hai loại nhân duyên. Phân biệt lớn nhỏ.

- Nếu nghe nhân duyên tu tánh niệm xứ, quán mười hai nhân duyên, thiện căn thuần thực, nhân ở xa lìa, tự nhiên giác ngộ một mình thành Tiểu Ca-la.

- Nếu tu cộng niệm xứ, duyên niệm xứ, sự lý thiện căn thuần thực, độc giác tự ngộ, đầy đủ ba minh tám giải, sáu thông thành Đại Ca-la.

Nên kinh nói: Vì người cầu Bích-chi-phật nói pháp mười hai nhân duyên. Pháp Hoa chép: Nếu người có phước từng cúng dường Phật, chí cầu thắng pháp, thì nói Duyên giác cho họ nghe.

*** Nói về quán mười hai nhân duyên:**

1. Ban đầu từ ái chi làm đầu: a- Truy tầm. b- Quán phá.

a. Truy tầm là người này nghe pháp chánh nhân duyên sinh diệt, tin hiểu rõ ràng, biết tất cả thuộc ái phiền não đều là mười hai nhân duyên. Quán đó nhập không, dứt tâm đạt cội nguồn, cầu tuệ tự nhiên, ưa độc thiện, lặng lẽ tu năm pháp đình tâm, được các thiền định. Ở trong định biết thuộc ái phiền não, tức là tu suy tìm ngược lại. Thấy mười hai nhân duyên, suy tham ái này do đâu mà sinh? Tức biết thân này do thọ mà sinh. Thọ do đâu sinh? Tức biết do xúc. Xúc do sáu nhập, sáu nhập do danh sắc, danh sắc do thức, thức do hành, hành do vô minh, vô minh do tất cả phiền não quá khứ. Lại thuận suy: Ái này sinh ra thủ, thủ sinh hữu, hữu sinh hai mươi lăm cõi sinh tử vị lai. Do sinh mà có già, lo buồn khổ nhóm, luân hồi không dứt. Nếu do dừng tâm thì nhập sâu thiền định.

Như thế suy tìm ngược lại, hoặc thấy Ca-la-la mới thọ thân. Cho đến thấy thân quá khứ lúc khởi nghiệp phiền não cho đến hai đời, mười đời, trăm đời, nghìn muôn vô lượng thế giới. Thuận suy tìm thủ, hữu. Nếu nhờ năng lực thiên định, hoặc thấy một đời vị lai cho đến mười đời, trăm ngàn vô lượng đời; hoặc thấy việc quá khứ vị lai, tâm sinh buồn vui, đạo tâm tinh tấn, càng thêm tăng thịnh.

b. Quán phá mười hai nhân duyên thuộc ái, tức là tánh niệm xứ, qua quán riêng mười hai duyên. Tánh niệm xứ như trước đã nói. Quán ái tức là năm Ấm ô uế tánh bốn niệm xứ. Nếu quán thọ, xúc, sáu nhập, danh sắc tức là quả báo vô ký năm Ấm tánh niệm xứ. Nếu quán vô minh tức phiền não ô uế quá khứ năm Ấm tánh bốn niệm xứ. Nếu quán về thủ, tức là phiền não ô uế năm Ấm tánh bốn niệm xứ. Nếu quán ở hữu, tức thiện bất thiện năm Ấm tánh bốn niệm xứ, nếu quán sinh tử vị lai thì quả báo sinh tử vô ký tánh bốn niệm xứ. Đó gọi là nghịch thuận quán sát. Phá bốn điên đảo, điên đảo diệt thì vô minh diệt. Tất cả phiền não hành cho đến gia chết lo buồn khổ diệt. Đó là dụng tánh niệm xứ, trải qua quán riêng ái phiền não mười hai duyên quán.

2. Nói về phá mười hai duyên thuộc kiến. Có hai: a- Suy tìm b- Quán phá.

a- *Suy tìm*: Nếu thấy thân và thế gian thường hay vô thường, vừa thường vừa vô thường; phi thường phi vô thường, cho nên hiện tại sinh bốn kiến chấp thân biên. Do bốn kiến chấp thân biên này mà sinh ra mười bốn nạn, sáu mươi hai kiến.

Bốn kiến chấp thân biên này tức là bốn thủ nghịch thuận, tìm xét bốn thủ này do bốn ái, bốn ái do bốn thọ, bốn thọ do bốn xúc, bốn xúc do bốn nhập, bốn nhập do bốn danh sắc, bốn danh sắc do bốn thức, bốn thức do bốn hành, bốn hành do bốn vô minh. Lại tìm xét thuận bốn thủ. Bốn thủ sinh bốn hữu, bốn hữu sinh tất cả hai mươi lăm hữu, sinh tử lo buồn khổ nhóm. Nếu biết sâu kiến hoặc, việc đời quá khứ vị lai, thì cũng như trước đã nói.

Nói về tánh niệm xứ: Quán phá bốn thủ, bốn kiến thân biên v.v... Như thế thứ lớp cho đến vô minh phá quá khứ: như khứ, chẳng như khứ, vừa như khứ vừa chẳng như khứ; phi như khứ phi chẳng như khứ; thân kiến và biên kiến làm ô uế năm Ấm.

Lại quán thuận bốn thủ, cho đến sinh, già, chết vị lai, phá hữu biên, vô biên; vừa hữu biên vừa vô biên; phi hữu biên phi vô biên. Thân kiến, biên kiến ô uế năm Ấm. Dùng tánh niệm xứ như thế phá thân kiến, biên kiến ba đời. Tứ kiến tức phá mười bốn nạn, sáu mươi

hai kiến, tất cả thuộc kiến, phiền não một lúc đều diệt tức vô minh diệt. Cho đến già, chết diệt thuộc kiến. Phiền não đã diệt thì lại dùng quán ái mười hai nhân duyên tánh niệm xứ trước quán phá Dục ái, Sắc và Vô Sắc ái, ba cõi phiền não đạo, nghiệp đạo, gọi là Niết-bàn hữu dư. Nếu khổ đạo diệt tức là Niết-bàn vô dư. Đó gọi là trí tuệ tánh niệm xứ, quán mười hai nhân duyên nhập Niết-bàn.

Kinh nói: mười hai nhân duyên nghĩa rất sâu xa, khó hiểu khó biết. Lúc Phật nói kinh Niết-bàn, có ngoại đạo tên là Phú-na hỏi: Làm sao khiến tôi biết thần và thế gian là thường, cho đến phi thường, phi vô thường?

Phật đáp: ông hãy dứt cũ mà không tạo mới, thì sẽ biết thế gian thường hay vô thường; cho đến phi thường, phi vô thường.

Phạm chí ngộ hiểu và xin xuất gia làm đệ tử Phật. Lại trong Trung Luận nói Thanh văn nhập đệ nhất nghĩa. Nếu được sâu ý này thì không phải chỉ phá ngoại đạo mà thôi. Nếu đệ tử Phật học ngồi thiền phát xuất nhiều kiến thủ tranh luận để khỏi phiền não tạo nghiệp sinh tử của hai mươi lăm hữu đều thuộc về kiến phiền não mười hai nhân duyên. Nếu ngộ hiểu biết thì có thể dùng Tánh niệm xứ, xem xét thì được giải thoát. Người mê điều này thì trôi lăn sinh tử không có bờ mé. Nên Trung Luận chép: Chân pháp và người nói, người nghe khó được. Thế nên sinh tử chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên. Cộng niệm xứ, duyên niệm xứ quán mười hai nhân duyên, so với trước rất dễ biết.

Hỏi: Đời trước tự nhiên có thể ngộ, đâu cần Phật nói!

Đáp: Nghe nói thì mau được, không nói thì chưa ngộ được. Ví như trái chín, tuy tự chúng rơi được, nhưng lay nhanh thì rụng liền.

Hỏi: Sao không chế quả Bích-chi-phật?

Đáp: Thanh văn độn nên chế quả; Bích-chi-phật lanh lợi, học tập trí huệ lâu nên không cần chế quả. Dụ cho hai người cùng đi, người ốm yếu phải có chỗ nghỉ ngơi; người thân mạnh khoẻ thì đến thẳng nên không chế quả.

Lại nữa, tướng chung dứt kết, trí tuệ thô nên chỉ trừ chánh sử gọi là Thanh văn. Nếu tướng riêng, trí tuệ tế trừ tập khí gọi là Bích-chi-phật.

Lại nữa, Thanh văn độn nên trước quán khổ đế; Duyên giác lợi căn nên trước quán Tập.

Hỏi: Thanh văn cũng tướng riêng là thô, tướng chung nên là tế. Nay đâu được nói tướng chung là thô, tướng riêng là tế?

Đáp: Nếu trong Tứ đế trước nói tướng riêng là thô, nay trải qua

mười hai nhân duyên riêng biệt nên riêng là tế hơn.

Lại nữa, Thanh văn có năng lực thiên định cao, thiên nhãn chỉ thấy một tiểu thiên; Bích-chi-phật đã trồng lâu, năng lực định sâu, thiên nhãn vượt ngoài Tam thiên, thấy thế giới phương khác.

Hỏi: vì sao Bích-chi-phật thừa không có phương tiện đạo?

Đáp: Bích-chi-phật căn tánh lạnh lợi nhưng chưa gặp Phật đã ngộ đạo, đâu cần phương tiện trước để nhập đạo!

Hỏi: Bích chi tự ngộ, đắc đạo cộng giới, có cần thọ giới không?

Đáp: Người thọ thì hòa hợp với tăng. Nay ba tạng hữu môn, Duyên giác quán mười hai duyên phá thuộc ái kiến, quán môn chẳng nói đầy đủ. Nếu người tu hành phải tự khéo suy nghĩ. Ba môn còn lại đâu có thể thấy.

*** Nói về Bồ-tát khác phàm Thánh:**

Khác Thánh thì khác về bốn thế nguyện rộng lớn, thực hành hạnh sáu độ, nhị thừa dứt phiền não chứng chân; Bồ-tát chẳng dứt hoặc, chẳng chứng chân nên khác bậc Thánh.

Phàm phu mặc theo dòng phiền não, Bồ-tát thì hàng phục phiền não, chế phục sinh tử làm Phật sự nên khác phàm phu.

Đối với Đàn ba-la-mật tu Tánh niệm xứ quán, khác với Nhị thừa dứt phiền não chứng chân. Cũng chẳng đồng với phàm phu trôi lăn theo sinh tử. Chế phục phiền não, trụ ở hạ nhãn tu bố thí, học tất cả thế trí để điều phục chúng sinh. Nếu người vì tham đáng đọa địa ngục, Bồ-tát ở niệm xứ thực hành bố thí phá tham tặc, khiến thoát khổ địa ngục. Nếu chúng sinh phá giới đáng đọa địa ngục, Bồ-tát tu trì giới khiến thoát địa ngục. Nếu chúng sinh sân nhiều đáng đọa địa ngục, Bồ-tát tu nhẫn nhục để phá, khiến thoát địa ngục. Nếu chúng sinh thường biếng nhác đáng đọa địa ngục, Bồ-tát thực hành tinh tấn để phá, khiến thoát địa ngục. Nếu chúng sinh loạn tưởng đáng đọa địa ngục, Bồ-tát tu thiền để phá; tự mình hành và dạy người, khen ngợi người tu hành bốn pháp trên và một dưới đều như thế. Bồ-tát tu niệm xứ quán cho đến thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, phá tất cả chúng sinh ái, phiền não tham đắm quả báo, gây ra hai mươi lăm hữu nghiệp, thọ quả khổ sinh tử. Bồ-tát tu ba loại niệm xứ phá sáu tặc, nhân thuộc ái hai mươi lăm hữu, tức là cứu khổ, dạy tu ba loại niệm xứ tức là Đạo, đó gọi là “ban vui”. Tu Tánh niệm xứ thành tựu bốn Ba-la-mật, tu cộng niệm xứ thành tựu Thiền ba-la-mật, tu duyên niệm xứ thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật. Bốn độ trước sức tu tánh yếu không thành, lại tu thêm cộng niệm xứ thành phá ái. Lại, tu tánh niệm xứ nên thành đại bi cứu khổ, tu cộng niệm xứ thành đại từ ban vui,

tu Duyên niệm xứ thành tựu cả hai thế nguyện.

b. Quán phá thuộc kiến phiền não:

Nếu chúng sinh nói tâm tham này có hay không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không. Lúc ấy Bồ-tát tu niệm xứ hành bố thí phá ba giả trong hữu kiến, ba giả trong vô kiến, cho đến ba giả trong phi hữu phi vô, tự - tha - cộng - vô nhân..., bốn mươi tám câu.

Nếu có chúng sinh nói tâm phá giới này có hay không, cho đến phi hữu phi vô, Bồ-tát tu tánh niệm xứ hành trì giới phá hữu kiến, cho đến ba giả trong Phi hữu phi vô kiến.

Chúng sinh nói tâm sân này có hay không, cho đến Phi hữu phi vô, Bồ-tát tu tánh niệm xứ thực hành nhẫn nhục để phá.

Nếu chúng sinh nói loạn tâm có không, cho đến phi hữu phi vô, Bồ-tát tu thiền để phá ba giả có - không, cho đến phi hữu phi vô v.v... bốn mươi tám câu để phá.

Nếu nói tâm si có không cho đến phi hữu phi vô, thực hành Bát-nhã để phá, từ có không cho đến bốn mươi tám câu để phá. Vô sinh thuần thực, sau đó ba mươi bốn tâm dứt kiết thành đạo, xoay bánh xe pháp ba tạng vào Niết-bàn.

Ở đây ứng với bốn môn: Tỳ-đàm là Hữu môn, Luận Thành Thật là Không môn, Côn-lặc là môn vừa hữu vừa vô, Na-đà Ca-chiên-diên là Phi hữu phi vô môn, hai môn chẳng độ.

Đại Luận nêu tên để chỉ. Luận Câu-xá phá nói về phi không phi hữu trong Bát-hòa phát-đa la bộ, chính là để giải nghĩa này.

Đại Luận dẫn phẩm Bồ-tát trong Tỳ-bà-sa hành nhân chứng quả. Luận Thành Thật không có văn (nói về việc này). Nếu luận sư phá những người “chấp có”, không đắc đạo và nói rằng “thấy không” mới đắc đạo, nói như thế là lẫn lộn đúng sai. Nói chung về hai kiến chấp này, “thấy có” chỉ là thường kiến, “thấy không” chỉ là đoạn kiến, hai kiến chấp đoạn thường há không phá lẫn nhau? Nên Long Thọ nói: Nếu không được phương tiện Bát-nhã để nhập Tỳ-đàm thì rơi vào Có; nếu nhập Không thì rơi vào Không, đều chẳng đắc đạo. Nếu không dùng bốn tất-đàn thì đối duyên khác nhau, hoặc dùng thế giới để vào lý, nên nói “thấy có” đắc đạo. Đại Luận chép: Sắc hoặc thô hoặc tế, gồm chung mà quán vô thường, vô ngã tức phát chân được sinh, không hữu môn đều nhập đạo. Thô là sự quán, tế là lý quán, chỉ được “sinh” mà không được “pháp”. Như kinh nói: Nên khởi pháp tướng, chỉ có năm Ấm, không có pháp dùng. Tất-đàn vị nhận phá hữu bày không, Bồ-tát tùy căn cơ hữu ích cần nghe hữu môn đắc đạo. Nay cần nghe không

môn nhập đạo, cho nên phá hữu để nói về không. Vì thế, hai Bồ-tát soạn hai luận trình bày hai môn không hữu trong Ba tạng. Trước sau tuy khác mà đặc đạo thì đồng. Nên nói người đoạn kiến cho là một niệm đoạn, người thường kiến nói khác niệm đoạn. Dứt kết (sử) tuy khác, đặc đạo là một. Ba giả nhập Sinh không, năm Ấm không là Bình đẳng không, là hai hạnh Thánh. Sinh không là giả danh không. Pháp không là thật pháp không. Là già chết và ai già chết, cả hai đều là tà kiến. Trong kinh Thanh văn nói sinh và pháp cả hai là tướng không. “Là già chết” là sinh không, “ai già chết” là pháp không; là trong Ba tạng giải thích thành bốn. Duyên ba giả nhập vào không mà Hữu môn đều là độn, chỉ được sinh không ở trong chuyết độ (độ vụng về). Không môn là lợi nên được Pháp không. Cộng niệm xứ, duyên niệm xứ cũng giống như thế. Thì biết đại ý, tế tác rất dễ hiểu. Nhưng không có nghĩa Bồ-tát, chỉ nói về hai mươi bảy địa vị Hiền Thánh. Nếu làm bốn câu thì đây là một vòng thuyết pháp.

Trong bốn môn của ba tạng giáo, tu bốn niệm xứ của Tứ Thánh để sinh diệt đã xong.

Hỏi: Sao không nói bốn niệm xứ của Đại thừa trước?

Đáp: Trong kinh có đủ hai nghĩa. Nếu mặt trời chiếu trên đỉnh núi cao thì Đại thừa trước, còn ban đầu đến vườn nai thì Tiểu thừa trước. Nay trước nói Tiểu thừa có mười ý:

Vì dụng. Như Tịnh Danh vì vua chúa, Trưởng giả nói về vô thường, khổ, không, v.v...

Vì phá. Không có chày thì đầu vung vô được, như Tịnh danh phá mười đệ tử, v.v...

Vì nhiếp. Như Tịnh Danh ở trong thất nói thân có khổ mà không ưa ở Niết-bàn, v.v...

Vì hội. Như Đại phẩm hội tông nói các pháp đều là Đại thừa.

Vì khai. Như Pháp Hoa giải quyết xong pháp Thanh văn, đứng đầu trong các kinh, Đại Kinh nói: Vì các Thanh văn khai phát mắt tuệ.

Vì người học: Biết ngoại tà nội khúc không bị tà, khúc làm lầm, v.v...

Vì người Thanh văn phá khúc (cong vạy). Biết họ mất phương tiện Phật, nghe thuyết hẹp hòi thời Mạt pháp; biết họ lẫn lộn Bán và Mãn. Như có người nói Tỳ-đàm “thấy có” đặc đạo, Luận Thành Thật “thấy không” đặc đạo. Đạo chẳng phải có - không, thấy có - không làm sao đặc đạo? Nếu theo lối nói của Sư này thì người hai môn Hữu - Vô thuộc Tiểu thừa giáo của Phật cho nên là vô dụng. Nếu là vô dụng, thì sao

Trung Luận lại nói muốn nghe trong pháp Thanh văn nhập vào Đệ nhất nghĩa? Như hai phẩm sau nói vị thầy che lấp Phật. Giáo lý bốn khô, nay lại trình bày, v.v...

Thiền nhân đời mặt nội chứng không, hiểu đồng với bọn ni-kiền-tử phá giới, làm ác, ăn phần, lửa thể nói là Đại thừa; đồng giới thủ ni-kiền-tử lẫn lộn phương tiện đạo của Phật pháp, nay đưa ra cả hai, v.v...

Vì người học khiến biết thuyết trong ngoài mạnh mẽ, hạnh mạnh mẽ, pháp môn tinh minh tươi khô, v.v...

Vì giúp người học lúc nội chứng, phân biệt môn hộ tà khúc, tiểu đại khác xa thủ xả, nên được nghi pháp chẳng lầm, cầm ngói gạch cho là hạt châu lưu ly.

Vì mười ý này phải nói bốn khổ quán.

Tư Ký ghi rằng:

Niệm xứ của Thanh văn lấy Khổ đế làm đầu.

Duyên giác lấy Tập đế làm đầu.

Bồ-tát lấy Đạo đế làm đầu.

Bồ-tát Thông giáo lấy Diệt đế làm đầu.

Bồ-tát Biệt giáo lấy giới ngoại đạo đế làm đầu.

Bồ-tát Viên giáo lấy Giới ngoại diệt đế làm đầu.

Lại,

Thanh văn dùng tướng chung quán.

Duyên giác dùng tướng riêng mà quán.

Bồ-tát quán cả chung riêng.

Chung riêng giới nội-ngoại thứ lớp quán.

Viên giáo giới nội-ngoại viên quán.

Lại,

Thanh văn nhân thành giả quán làm đầu.

Duyên giác tương tục giả làm đầu.

Bồ-tát tương đãi giả làm đầu.

Hỏi: Đạo phẩm sáu độ, độ nào chính?

Đáp: Đại Kinh chép: Nhất địa đến Thập địa gọi là trí tuệ trang nghiêm. Sáu độ ba-la-mật là phước đức trang nghiêm. Pháp Hoa nói về năm phẩm, một niệm tùy hỷ là chính. Hành thêm sáu độ là trợ đạo. Tịnh Danh chép: Đạo phẩm, thiện tri thức, sáu độ là bạn. Cả ba kinh đều cho sáu độ là trợ đạo. Đại luận nói: ba mươi bảy phẩm là chánh đạo, ba giải thoát trợ khai môn cho đến bất tịnh trợ để phá tham, thắng xứ trợ bất tự tại trong duyên, thập nhất thiết xứ trợ không rộng khắp trong duyên; vô lượng tâm trợ phước đức và trợ khai môn pháp.

Hỏi: Đạo phẩm là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Đại luận đối theo địa vị mỗi thứ có khác nhau, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu v.v... Luận Thành Thật nói niệm xứ không lui sụt số người; nói Noãn pháp lui làm xiển đề, Đảnh pháp lui thành năm tội nghịch. Luận Thành Thật nói niệm xứ hàng phục hoặc, thành giả danh không, số người chỉ là văn tuệ. Nay nói chung từ đầu đến cuối đều là đạo phẩm, theo chỗ hơn mà chia phẩm, tiết, cấp được gọi tên, v.v...

Đại Luận nói ban đầu thọ từ thầy, trước dùng niệm giữ gìn gọi là niệm xứ, bốn thứ tinh tấn gọi là Chánh cần, bốn thứ định sinh gọi là Như ý túc, năm thiện căn sinh gọi là năm căn, năm phiền não bị phá gọi là năm lực, phân biệt đạo dụng gọi là bảy giác, an ổn đi trong đạo gọi là tám chánh đạo. Đây là lấy cái hơn để đặt tên đều chung cả niệm xứ. Địa vị chỉ là hữu lậu. Nên luận nói: Hành trong tám chánh đạo, ban đầu được năm Ấm thiện hữu lậu gọi là Noãn pháp. Nếu không cho bốn niệm xứ chung đến tám đạo thì cũng không được tám đạo thông với bốn niệm xứ. Nên Bà-sa nói: Nếu tám chánh đạo ở trước bảy giác chi thì quyết định là vô lậu, còn nếu tám chánh ở sau bảy giác thì vừa hữu lậu vừa vô lậu. Đây là lời tu chung. Nếu tám chánh là kiến đạo vị thì xếp vào trước bảy giác, ở sau là vị chứng đạo, v.v...